

Bản án số: 238/2017/DS-PT

Ngày: 13-9-2017

Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hội.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Lê Thị X, sinh năm: 1951 (có mặt);

1.2. Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 07, tổ 3, ấp L, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H là Luật sư Đặng Đ – Văn phòng Luật sư Đ thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: Số 06, quốc lộ 10, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Hồ Thị H1, sinh năm: 1959 (có mặt);

2.2. Hồ Thị B, sinh năm: 1979 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp N, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Hồ Văn N1, sinh năm: 1989;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Hồ Văn N1 là chị Hồ Thị B, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp N, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2017).

3.2. Lý Văn L1, sinh năm: 1963 (có đơn xin vắng mặt);

3.3. Lý A, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 30, phường 5, thành phố U, tỉnh U.

3.4. Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Số 12, khóm S, phường 4, thành phố U, tỉnh U (có đơn xin vắng mặt);

3.5. Phạm Thanh E, sinh năm: 1964; Địa chỉ: ấp V, xã O, huyện I, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Thanh E là chị Hồ Thị B, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 02, ấp N, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2016).

3.6. Thái Thị Kim P, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Tổ 10, ấp 2, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Số 31, đường Đ1, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị H1, chị Hồ Thị B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bà Lê Thị X trình bày: Ngày 15/5/2012 (nhằm ngày 25/4/2012 âm lịch), bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B có vay bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 đồng, không tính lãi, có làm biên nhận hẹn trong vòng 03 tháng sẽ trả. Ngoài số tiền 30.000.000 đồng thì chị B, bà H1 còn vay thêm 20.000.000 đồng trước thời điểm vay 30.000.000 đồng, số tiền này hai bên không làm biên nhận. Chị H xác định 20.000.000 đồng là tiền mà chị đứng ra vay của chị Thái Thị Kim P để về đưa cho chị B, bà H1 vay. Như vậy, tổng cộng 02 lần vay là 50.000.000 đồng không tính lãi, mục đích vay để

xây nhà. Sau khi vay 02 khoản tiền trên chị B, bà H1 có trả dần bằng cách chuyển vào tài khoản của chị H đăng ký tại Ngân hàng TMCP Đông Á, người chuyển tiền gồm anh Lý A, ông Lý Văn L1, anh Nguyễn Tấn T và chị B, tổng số tiền đã chuyển 26.189.000 đồng. Ngoài số tiền chị B chuyển trả cho chị H, bà X qua tài khoản ở Ngân hàng TMCP Đông Á thì không còn trả lần nào khác. Còn phần tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận như đã trình bày ở trên không trả đúng hạn, nên ngày 28/11/2014 bà X và chị H đã nộp đơn khởi kiện nhờ Tòa án giải quyết. Sau đó, bà H1 và chị B có năn nỉ xin trả nên bà X và chị H đã rút đơn khởi kiện và cho bà H1, chị B cơ hội để trả dần. Ngày 01/12/2014 (nhằm ngày 10/10/2014 âm lịch) chị B có viết giấy cam kết sẽ trả cho bà X và chị H 20.000.000 đồng vào ngày 30/12/2014 (âm lịch) và trả 10.000.000 đồng vào tháng 02/2015 (âm lịch). Việc làm giấy cam kết năm 2014 có chị Hồ Thị Q làm chứng, bà X và chị H xác định hai biên nhận vào năm 2012 và năm 2014 là cùng một số tiền là 30.000.000 đồng (biên nhận năm 2012 không trả nên vào năm 2014 mới làm lại biên nhận). Nay bà X và chị H yêu cầu bà H1 và chị B trả số tiền đã vay còn lại là 23.811.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 03/2015 đến khi xét xử xong cấp sơ thẩm.

- Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B trình bày: Bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B thừa nhận ngày 15/5/2012 (nhằm ngày 25/4/2012 âm lịch) cũng như trước đó bà và chị có vay của bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng, tính lãi 5.000.000 đồng/tháng. Trong số tiền 50.000.000 đồng thì bà H1, chị B có làm biên nhận 30.000.000 đồng, phần còn lại 20.000.000 đồng không làm biên nhận, thời hạn 03 tháng trả, mục đích vay để bà H1, chị B xây nhà. Sau khi vay đến hạn như đã thỏa thuận thì chồng của chị B là anh E có trả cho chị H 20.000.000 đồng để chị H trả cho chị P vì số tiền 20.000.000 đồng là tiền mà chị H vay chỗ chị P về đưa cho chị B, bà H1 vay lại. Còn số tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận như đã nêu trên chị B, bà H1 cũng trả xong bằng cách gửi tiền cho chị H qua tài khoản của chị H tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (nhờ những người như Lý A, ông L1, anh T và bản thân của chị B chuyển tiền), nhưng hiện nay chị B đã để mất phiếu gửi tiền. Ngoài ra, bà H1 và chị B có trả tiền mặt 07 lần với số tiền là 10.500.000 đồng cụ thể: Đưa tiền cho anh N1 trả 02 lần mỗi lần 1.500.000 đồng thành 3.000.000 đồng; bà H1 đứng ra trả trực tiếp

cho bà X 04 lần mỗi lần 1.500.000 đồng thành 6.000.000 đồng; chị B trực tiếp trả 01 lần 1.500.000 đồng. Như vậy, qua việc chuyển tiền vào tài khoản của chị H và trả bằng tiền mặt 07 lần như trên bà H1, chị B đã trả cho chị H, bà X xong số tiền 30.000.000 đồng, nên nay bà H1 và chị B không đồng ý trả theo yêu cầu của chị H và bà X.

Anh Hồ Văn N1 trình bày trong biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 10/4/2017: Anh là em ruột của chị B và là con ruột của bà H1, trước đây không nhớ ngày tháng cụ thể chị B và bà H1 có đưa 02 lần tiền 3.000.000 đồng, mỗi lần 1.500.000 đồng để trả tiền cho bà X, anh có đi trả cho bà X nhưng không làm biên nhận cũng không ai biết.

Chị Thái Thị Kim P trình bày trong biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 10/4/2017: Vào năm 2012, chị có chuyển vào tài khoản của chị H 20.000.000 đồng để chị H cho chị B vay. Số tiền này chị H là người đứng ra trả dần mỗi lần 1.000.000 đồng - 1.500.000 đồng và đã trả đủ 20.000.000 đồng, chứ không có việc anh E trả 20.000.000 đồng như chị B trình bày. Nay chị P không có yêu cầu gì đối với số tiền 20.000.000 đồng này.

Chị B đại diện theo ủy quyền của anh E trình bày trong biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 10/4/2017: Anh E và chị là quan hệ vợ chồng, năm 2012 anh E có đứng ra trả thay cho chị B món nợ mà chị B thiếu chị H 20.000.000 đồng, người nhận tiền là chị H. Tuy nhiên, việc trả tiền không có ai biết, cũng không làm giấy tờ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu trả tiền vay, lãi của chị Nguyễn Thị H và bà Lê Thị X;

- Buộc bà Hồ Thị H1, chị Hồ Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H, bà Lê Thị X số tiền vay còn lại là 23.811.000 đồng và tiền lãi là 4.696.000 đồng; Tổng cộng 28.507.000 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thi hành xong.

* Về án phí:

- Chị B, bà H1 phải nộp 1.425.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị H, bà X không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà X, chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000 đồng theo biên lai số 032867 ngày 02 tháng 10 năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 19 tháng 5 năm 2017 bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà H1, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn là 22.511.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền vốn 22.511.000 đồng theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 03/2015 đến khi xét xử xong cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H trình bày cho rằng bà H1, chị B không có chứng cứ gì để chứng minh là bà H1 và chị B đã trả số tiền 22.511.000 đồng còn nợ trên cho bà X, chị H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H1, chị B phải có nghĩa vụ trả cho bà X, chị H số tiền 22.511.000 đồng vốn và tiền lãi theo yêu cầu như trên của bà X và chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ý kiến về vụ án: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bà H1 và chị B trả cho bà X chị H số tiền vốn 22.511.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền vốn 22.511.000 đồng theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 03/2015 đến khi xét xử xong cấp sơ thẩm theo như yêu cầu như trên của bà X và chị H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của vị Luật sư và của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thị X, Nguyễn Thị H đồng ý theo bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C đã tuyên xử và bà X, chị H không kháng cáo. Còn bị đơn Hồ Thị H1, Hồ Thị B không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên xử nên bà H1, chị B kháng cáo.

[2] Tại phiên tòa, bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B thừa nhận ngày 15/5/2012 (nhằm ngày 25/4/2012 âm lịch) cũng như trước đó bà và chị có vay của bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Trong số tiền 50.000.000 đồng thì bà H1, chị B có làm biên nhận 30.000.000 đồng, số tiền 20.000.000 đồng còn lại không làm biên nhận. Bà H1 và chị B trình bày số tiền 20.000.000 đồng trên thì chồng của chị B là anh E có trả cho chị H rồi nhưng việc trả tiền không có ai biết, cũng không làm giấy tờ, người nhận tiền là chị H. Còn số tiền 30.000.000 đồng trên có làm biên nhận thì bà H1, chị B cũng trả xong bằng cách gửi tiền cho chị H qua tài khoản của chị H tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Đồng Tháp được số tiền là 26.189.000 đồng (nhờ những người như anh Lý A, ông L1, anh T và bản thân của chị B chuyển tiền). Ngoài ra, bà H1 và chị B có trả tiền mặt 07 lần cho bà X và chị H với số tiền là 10.500.000 đồng, cụ thể: đưa tiền cho anh N1 trả 02 lần mỗi lần 1.500.000 đồng thành 3.000.000 đồng (việc anh N1 đi trả cho bà X không có làm biên nhận, cũng không ai biết); bà H1 đứng ra trả trực tiếp cho bà X 04 lần mỗi lần 1.500.000 đồng thành 6.000.000 đồng; chị B trực tiếp trả 01 lần 1.500.000 đồng. Như vậy, qua việc chuyển tiền vào tài khoản của chị H và trả bằng tiền mặt 07 lần như trên thì bà H1, chị B đã trả cho chị H, bà X xong số tiền 30.000.000 đồng.

[3] Xét qua nội dung đơn kháng cáo cũng như lời trình bày của bà H1, chị B tại phiên tòa là hoàn toàn không có căn cứ nên không được chấp nhận, bởi lẽ: tại phiên tòa phúc thẩm thì bà H1, chị B không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh là bà H1, chị B đã có trả đủ số tiền 30.000.000 đồng vốn trên cho bà X, chị H. Chị B là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Thanh E cho rằng anh E có trả cho chị H 20.000.000 đồng, tuy nhiên việc anh E trả số tiền 20.000.000 đồng trên cho chị H thì không có chứng cứ gì để chứng minh, vì không có làm giấy tờ và cũng không ai biết. Ngoài ra,

việc anh N1 là con bà H1 cho rằng đã trả 3.000.000 đồng trên cũng không có chứng cứ gì để chứng minh, vì không có làm biên nhận và không ai biết. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm phía bà X, chị H cũng không thừa nhận là anh E và anh N1 đã có trả số tiền trên cho bà X, chị H. Do đó, xét thấy lời trình bày trên của bà H1, chị B là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà X, chị H cũng thống nhất sau khi vay 02 khoản tiền 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng trên của bà X, chị H thì chị B, bà H1 có trả dần bằng cách chuyển vào tài khoản của chị H đăng ký tại Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Đồng Tháp và theo biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị H vào ngày 23/12/2015 (bút lục số 45) của Tòa án nhân dân huyện C thì chị H trình bày là tính đến ngày 31/12/2013 thì bà H1, chị B đã chuyển trả xong số tiền vốn 20.000.000 đồng trên cho bà X, chị H. Như vậy đối với số tiền vốn 20.000.000 đồng trên thì bà H1, chị B đã trả cho bà X, chị H xong vào ngày 31/12/2013 nên bà H1, chị B không còn nghĩa vụ trả nợ đối với 20.000.000 đồng vốn trên cho bà X, chị H.

[5] Còn đối với số tiền vốn 30.000.000 đồng trên thì bà H1, chị B tiếp tục chuyển trả tiền vào tài khoản của chị H 05 lần vào các ngày 06/01/2014, ngày 06/02/2014, ngày 06/4/2014, ngày 26/4/2014 và ngày 24/5/2014 được số tiền tổng cộng là 7.489.000 đồng theo bản sao kê chi tiết phát sinh các giao dịch nộp tiền của Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Đồng Tháp (bút lục số 41). Như vậy, đối với số tiền 30.000.000 đồng vốn trên thì bà H1, chị B đã chuyển trả cho bà X, chị H được 7.489.000 đồng nên bà H1, chị B còn nợ lại bà X, chị H số tiền là 22.511.000 đồng. Do đó, xét thấy buộc bà H1, chị B phải có nghĩa vụ trả tiếp cho bà X, chị H số tiền 22.511.000 đồng còn nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm thì bà X, chị H cũng đồng ý cho bà H1, chị B trả số tiền vốn 22.511.000 đồng trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, bà X và chị H yêu cầu yêu cầu bà H1, chị B tính lãi đối với số tiền vốn 22.511.000 đồng trên theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 03/2015 đến khi xét xử xong cấp sơ thẩm ngày 09/5/2017 là 26 tháng 09 ngày, cụ thể: $22.511.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 789 \text{ ngày}/30 \text{ ngày} = 4.440.000 \text{ đồng}$ lãi. Xét về việc bà X, chị H yêu cầu bà H1, chị B trả số tiền

4.440.000 đồng lãi trên là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái Thị Kim P trình bày: Vào năm 2012, chị có chuyển vào tài khoản của chị H 20.000.000 đồng để chị H cho chị B vay. Số tiền này chị H là người đứng ra trả dần mỗi lần 1.000.000 đồng - 1.500.000 đồng và đã trả đủ 20.000.000 đồng. Nay chị P không có yêu cầu gì đối với số tiền 20.000.000 đồng này.

[8] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị X và chị Nguyễn Thị H là có cơ sở như đã phân tích trên nên được chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo của bà H1, chị B và chấp nhận một phần yêu cầu của bà X, chị H và sửa án sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Đồng thời buộc bà H1, chị B có trách nhiệm liên đới trả cho bà X, chị H số tiền vay vốn và lãi là 26.951.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ theo như đã nhận định trên.

[11] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà H1, chị B không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hồ Thị H1 và chị Hồ Thị B.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, Đồng Tháp.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị X, chị Nguyễn Thị H.

4. Buộc bà Hồ Thị H1, chị Hồ Thị B có nghĩa vụ trả liên đới trả cho bà Lê Thị X, chị Nguyễn Thị H số tiền vốn vay tổng cộng vốn và lãi là 26.951.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

5. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi cho bên được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

- Bà Hồ Thị H1, chị Hồ Thị B phải chịu 1.347.550 đồng (Một triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm năm chục đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Hồ Thị H1, chị Hồ Thị B không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí kháng cáo mà bà H1, chị B nộp theo biên lai thu số 13068 và biên lai thu số 13069 cùng ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1, chị B còn phải nộp thêm 747.550 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm năm chục đồng).

- Bà Lê Thị X, chị Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà X, chị H 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 032867 ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao

